

Mạo Khê, ngày 09 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 64 /TB- MNSC ngày 09/4/20234 của trường MN Sơn Ca)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc Phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách năm 2024".

Trường Mầm non Sơn Ca công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2024 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Thực hiện quý I năm 2024	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Quy
1	2	3	4	5	6	
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		-	
1	Số thu phí, lệ phí	592,500,000	-		-	#
1.1	Học phí	592,500,000	0		-	#
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0			0
1	Chi thanh toán cho cá nhân	-	-			0
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	-	-			0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0		-	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3,539,911,000	1,059,900,206	0.30	0.34	#
1	Chi quản lý hành chính			#DIV/0!	#DIV/0!	
2	Nghiên cứu khoa học			#DIV/0!	#DIV/0!	
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	3,539,911,000	1,059,900,206	0.30	0.34	#
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3,539,911,000	1,054,500,206	0.30	0.34	#
a	Chi thanh toán cho cá nhân	2,889,131,000	825,016,111	0.29	0.32	#
	Mục 6000: Tiền lương	1,560,990,000	442,692,680	0.28	0.31	##
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		-	#DIV/0!	#DIV/0!	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	764,240,000	259,722,104	0.34	0.37	##
	Mục 6200: Tiền thưởng	12,000,000	-	0.00	-	#
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	12,000,000	2,760,000	0.23	0.230	##
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	539,901,000	119,841,327	0.22	0.28	##
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-	#DIV/0!	#DIV/0!	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	608,780,000	229,484,095	0.38	0.47	#

	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	67,000,000	32,693,973	0.49	0.42	#
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	80,505,000	33,330,000	0.41	0.83	#
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	16,000,000	1,180,000	0.07	0.07	#
	Mục 6650: Hội nghị	11,275,000	-	0.00	-	#
	Mục 6700: Công tác phí	24,000,000	1,500,000	0.06	0.06	#
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	84,000,000	30,960,000	0.37	0.37	#
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	80,000,000	-	0.00	-	##
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	60,000,000	-	0.00	-	#
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	176,000,000	129,820,122	0.74	1.623	#
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10,000,000	-	0.00	-	#
c	<u>Các khoản chi khác</u>	42,000,000	-	0.00	-	#
	Mục 7750: Chi khác	42,000,000		0.00	-	#
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	96,756,000	5,400,000	0.06	#DIV/0!	0
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	96,756,000	5,400,000	0.06	#DIV/0!	0
	Mục 6156: Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	-	-	#DIV/0!	#DIV/0!	
	Mục 6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	-	-	#DIV/0!	#DIV/0!	
	Mục 7499: Chi khác	96,756,000	5,400,000	0.06	#DIV/0!	
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	-	-		-	0
	Mục 6907: Nhà cửa					
	Mục 6949: Các TS khác và CTHT CS khác				-	

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Phương Thảo

